BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN DIỆU HUYỀN

NGHIÊN CỨU VĂN BẢN VÀ GIÁ TRỊ THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN BẢO

Chuyên ngành: Hán Nôm
Mã số: 62.22.01.04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Hà Nội, 2017

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:

KHOA NGỮ VĂN – TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. GS. TS. Nguyễn Ngọc San**

2. PGS. TS. Hà Văn Minh

Phản biện 1: **PGS.TS Phạm Thị Thùy Vinh**

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Phản biện 2: **GS.TS Trần Nho Thìn**

Trường Đại học KHXH & NV – ĐHQG Hà Nội

Phản biện 3: **PGS.TS Vũ Thanh**

Viện Văn học

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp: Trường

Họp tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vào hồi…. giờ…. ngày… tháng… năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc Gia, Hà Nội.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Diệu Huyền (2015), *Bước đầu tìm hiểu về Nguyễn Bảo và những bài thơ trong Châu Khê thi tập*, Tạp chí Khoa học, Đại học Hồng Đức, số 23, tr. 41 – 47.

2. Nguyễn Diệu Huyền (2015), *Một số ý kiến về bản phiên dịch các bài thơ của Nguyễn Bảo,* Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, số 10, tr. 88 – 93.

3. Nguyễn Diệu Huyền (2016), *Hiện tượng kỵ húy trong văn bản ghi chép thơ của Nguyễn Bảo*, Hội thảo sau đại học – Ngành Ngữ văn năm 2016, Đại học Sư phạm Hà Nội, *Tuyển tập công trình nghiên cứu Ngữ văn học*, tập 2, tr. 671 – 675.

4. Nguyễn Diệu Huyền (2016), *Tìm hiểu văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, trường Đại học Tây Bắc năm 2015 – 2016, mã số TB - 2016 – 26.

5. Nguyễn Diệu Huyền (2016), *Đặc điểm mã chữ trong văn bản cơ sở ghi chép thơ của Nguyễn Bảo*, Tạp chí khoa học trường Đại học Tây bắc, số 7, tr. 1 – 5.

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị tinh hoa di sản văn hóa thành văn của dân tộc trong quá khứ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của khoa học xã hội và nhân văn nói chung, của Ngữ văn học nói riêng. Nguyễn Bảo 阮 保 hiệu là Châu Khê 珠 溪, quê xã Phương Lai 芳 萊 (hay còn gọi là Tri Lai), huyện Vũ Tiên 武 仙 (nay là thôn Phú Lạc, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình. Ông sống ở thế kỉ XV, đời Lê Thánh Tông và Lê Hiến Tông. Ông là người sớm đỗ đạt, có tài đức và đã có nhiều cống hiến cho triều đại nhà Hậu Lê. Ông có tập thơ chữ Hán *Châu Khê thi tập* 珠 溪 詩 集 nhưng tập thơ ấy hiện đã thất lạc. Những minh chứng về văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo hiện chỉ còn được ghi chép tập trung trong *Toàn Việt thi lục* 全 越 詩 錄 của Lê Quý Đôn.

1.2. Các nhà nghiên cứu đã quan tâm đến ông trên nhiều phương diện như: thời đại, thân thế, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác… Tuy nhiên, các tư liệu chỉ mang tính giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm. Liên quan đến cuộc đời Nguyễn Bảo còn có nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ như: Nguyễn Bảo sinh và mất năm nào? Quê xã Phương Lai hay Phương Lại? Quãng thời gian niên thiếu của ông ra sao? Ông đỗ Tiến sĩ năm bao nhiêu tuổi? Ông trí sĩ khi nào? và những năm cuối đời của ông ra sao?... Những vấn đề đó cần được tiếp tục dựa vào các cứ liệu tin cậy để thống nhất và xác lập những vấn đề liên quan đến cuộc đời Nguyễn Bảo. Liên quan đến sáng tác của Nguyễn Bảo còn có những vấn đề cần được xem xét đó là: ngoài những bài bằng chữ Hán, Nguyễn Bảo có sáng tác bằng chữ Nôm không? Sáng tác chữ Hán của ông gồm những nội dung gì? Hiện trạng của chúng ra sao? Số lượng thơ chữ Hán của ông được ghi chép như thế nào? Thực trạng văn bản và nội dung được ghi chép ra sao? Chúng có những giá trị nội dung và nghệ thuật gì? Đó là những vấn đề cần được nghiên cứu, khảo sát và tìm hiểu.

Cho đến nay, vẫn chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu chi tiết, đầy đủ về Nguyễn Bảo và văn bản thơ chữ Hán của ông. Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài *Nghiên cứu văn bản và giá trị thơ chữ Hán Nguyễn*

Bảo, với mong muốn đóng góp một phần công sức vào việc nghiên cứu, khảo sát và giới thiệu tác giả, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

1.3. Trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên ngành Ngữ văn Hán Nôm, vấn đề *văn bản học* – trên cơ sở văn bản Hán Nôm hiện rất được quan tâm và chú trọng. Vì vậy, trong quá trình thực hiện đề tài chúng tôi sẽ đi từ thực tiễn xử lí văn bản chữ Hán, từng bước vận dụng và tháo gỡ những vấn đề văn bản học, khảo cứu, minh giải văn bản, để tiến tới dịch thuật và công bố những bài thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo hiện còn, từ đó ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu và học tập. Do đó, đề tài *Nghiên cứu văn bản và giá trị thơ chữ Hán Nguyễn Bảo* có một ý nghĩa quan trọng.

2. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

2.1. Cung cấp một cái nhìn đầy đủ hơn về bối cảnh lịch sử - văn hóa - văn học, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo. Mô tả, phân tích văn bản, để nói rõ hơn về đặc điểm ghi chép thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản (*Toàn Việt thi lục* và *Hoàng Việt thi tuyển*). Khảo sát thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản, xác định văn bản cơ sở để hiệu khám và tìm ra thiện bản.

2.2. Chỉ ra các vấn đề liên quan đến nội dung văn bản: đặc điểm cấu trúc nội dung văn bản, khảo sát dị biệt trong nhan đề, trật tự sắp xếp và dị văn trong các văn bản, đặc điểm về văn tự (chữ húy, chữ viết lược nét, chữ viết đảo trật tự, viết sai, chữ thừa, chữ thiếu), tình hình dịch văn bản thơ của Nguyễn Bảo. Từ những kết quả đã khảo cứu, tiến hành phiên âm, chú giải, dịch nghĩa và công bố 162 bài thơ. Tìm hiểu những giá trị nội dung - nghệ thuật để một lần nữa nhận định rõ hơn về quan điểm sáng tác, tâm hồn, nhân cách và tài năng trong thơ Nguyễn Bảo.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CÁCH TIẾP CẬN ĐỀ TÀI

Căn cứ vào mục tiêu, đối tượng đã xác định, để hoàn thành những nhiệm vụ đề ra, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

- *Phương pháp văn bản học*: được sử dụng chủ yếu trong quá trình khảo sát để chỉ ra những vấn đề liên quan đến văn bản như: đặc điểm hình thức, đặc điểm về nội dung. Xác định những vấn đề liên quan đến văn tự

và chỉ ra những chỗ có vấn đề trong văn bản để có phương án khắc phục, bổ sung.

- *Phương pháp thuyên thích học*: là phương pháp được sử dụng để giảng giải, giải thích rõ nghĩa lí, chú giải những từ ngữ gốc Hán để làm minh bạch ý nghĩa của chúng trong quá trình dịch văn bản, khảo dị và biện luận các vấn đề về trong các văn bản ghi chép thơ của Nguyễn Bảo.

- *Phương pháp nghiên cứu văn học sử*: được sử dụng nhằm tìm hiểu những giá trị nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

- *Phương pháp loại hình tác giả*: đây là phương pháp xác định rõ đặc điểm loại hình tác giả văn học trung đại dựa trên các mối quan hệ hữu cơ giữa lịch sử - văn hóa thời trung đại với tác giả văn học trung đại. Từ việc xem xét trào lưu tư tưởng, khuynh hướng sáng tác để nhận định Nguyễn Bảo thuộc loại hình tác giả nào. Từ đó tiếp tục xem xét những ảnh hưởng và biểu hiện của chúng trong các bài thơ của Nguyễn Bảo.

- *Phương pháp điền dã*: nhằm thu thập, tìm hiểu những thông tin về quê hương, gia tộc, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo. Đó là phương pháp giúp nhận định rõ hơn về tác giả cũng như bổ khuyết những vấn đề còn thiếu trong thư tịch, sử sách.

- *Phương pháp nghiên cứu liên ngành*: chúng tôi đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học như: sử học, văn học…

Ngoài ra, chúng tôi còn kết hợp các thao tác như dịch chú, khảo sát – thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh đối chiếu... để làm rõ hơn những vấn đề mà đề tài quan tâm.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: 05 bản sao *Toàn Việt thi lục* (với các kí hiệu A.1262, A.3200, A.132, A.393, HM.2139/A) và 01 bản khắc in *Hoàng Việt thi tuyển* (đại diện là bản A.608) được lưu trữ ở Viện nghiên cứu Hán Nôm và các thư viện khác, trên các khía cạnh như: sưu tầm, mô tả, phân loại tư liệu, phân tích đặc điểm, diện mạo, tính chất, tình hình sao chép và kết cấu văn bản; khảo sát quá trình truyền bản, phạm vi nội dung sao chép thơ Nguyễn Bảo trong các văn bản; đánh giá các phương diện ý nghĩa của văn bản…

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là những tư liệu và thư tịch liên quan đến con người, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo. Các văn bản chữ Hán có nội dung thơ văn của Nguyễn Bảo. Các tư liệu nghiên cứu giá trị nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo. Bên cạnh đó, chúng tôi còn quan tâm đến các bộ hợp tuyển, tổng tập thơ văn… có sao chép, tuyển dịch thơ chữ Hán để nêu những kiến giải liên quan đến việc khảo cứu văn bản thơ chữ Hán của ông.

5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

5.1. Cung cấp có hệ thống về: bối cảnh lịch sử - văn hóa - văn học đã tác động đến cuộc đời và thơ Nguyễn Bảo; những đặc điểm về quê hương, gia tộc, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo.

5.2. Khảo sát thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong 05 bản sao *Toàn Việt thi lục* và 01 bản khắc in *Hoàng Việt thi tuyển* để xác định những vấn đề liên quan đến văn bản: hình thức ghi chép, nội dung ghi chép, số lượng ghi chép, từ đó xác định văn bản cơ sở để tiến hành khảo cứu văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

5.3. Khảo sát văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo để chỉ ra những vấn đề cụ thể của văn bản: đặc điểm cấu trúc nội dung văn bản; khảo sát dị biệt về nhan đề, trật tự sắp xếp và dị văn trong các văn bản; đặc điểm về văn tự (chữ húy, chữ viết lược nét, chữ viết đảo trật tự, viết sai, chữ thừa, chữ thiếu); tình hình dịch văn bản.

5.4. Công bố thiện bản thơ chữ Hán, phiên âm và dịch nghĩa 162 bài thơ của Nguyễn Bảo. Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật để khẳng định tài năng và vị trí của Nguyễn Bảo trong kho tàng văn học Việt Nam.

6. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần *Mở đầu, Kết luận và Kiến nghị, Tài liệu tham khảo* và *Phụ lục*, *Nội dung* của Luận án gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2: Văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo

Chương 3: Khảo sát văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo

Chương 4: Giá trị nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo

NỘI DUNG

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình thư mục học, từ điển

Các công trình đã giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm Nguyễn Bảo và thống nhất về những nội dung liên quan đến: danh tính, quê hương, triều đại và những đóng góp trong cuộc đời Nguyễn Bảo. Các tư liệu đều khẳng định sáng tác của Nguyễn Bảo có tập thơ chữ Hán *Châu Khê thi tập*, nhưng nay đã thất lạc và chỉ còn thơ trong *Toàn Việt thi lục*. Các tư liệu đã khẳng định vai trò và vị trí của Nguyễn Bảo trong số những tác giả, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

1.2. Các công trình khảo sát và khai thác tư liệu về tác giả - tác phẩm Nguyễn Bảo

Các tư liệu đã góp phần nghiên cứu, giới thiệu, nhận định về giá trị thơ ca Nguyễn Bảo, khẳng định những đóng góp của ông với nền văn học Việt Nam. Đặc biệt, với một phong cách bình dị, chân thành, thể hiện tình yêu quê hương đất nước, đậm đà bản sắc dân tộc cùng những bài thơ viết về con người, cảnh tượng thôn dã trong lao động, cuộc sống đồng quê… Nguyễn Bảo đã đóng góp phần tạo nên bước tiến mới cho văn học ở thế kỉ XV.

1.3. Các công trình nghiên cứu có tính chất giới thiệu hoặc điểm qua một số nét về tác giả – tác phẩm Nguyễn Bảo

Các bài nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề mà nội dung của đề tài quan tâm. Trong đó, đáng chú ý nhất là các công trình nghiên cứu về *Toàn Việt thi lục*. Cùng với những bài viết liên quan đến Nguyễn Bảo và văn bản thơ chữ Hán của ông chúng ta có thêm những căn cứ khoa học để nhận định về những vấn đề liên quan đến luận án.

1.4. Nhận xét tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các tư liệu đã xác định được những nội dung như: danh tính, quê hương, thời đại của Nguyễn Bảo; xác định được sáng tác bằng chữ Hán của Nguyễn Bảo có cả văn và thơ. Văn chữ Hán của Nguyễn Bảo có hai bài. Thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo có 162 bài được ghi chép trong *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn. Đặc biệt, với những bài thơ chữ Hán thể hiện những chủ đề về nông thôn, về tình yêu quê hương đất nước, xu hướng thù

tạc, ca ngợi sự thịnh trị… Nguyễn Bảo đã có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam.

Tuy nhiên, liên quan đến tác giả, tác phẩm Nguyễn Bảo còn có nhiều vấn đề cần được xem xét thêm về con người, cuộc đời, và sự nghiệp sáng tác. Trong đó, đáng quan tâm hơn cả là vấn đề các văn bản ghi chép thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo. Căn cứ vào những nội dung đã được nghiên cứu và những vấn đề còn bỏ ngỏ, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu văn bản và giá trị thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong luận án.

1.5. Hướng nghiên cứu của luận án

Từ những nội dung đã được nói trến trong các công trình trên, có những vấn đề nghiên cứu được đặt ra đó là:

Thứ nhất, tìm hiểu bối cảnh lịch sử - văn hóa - văn học đã tác động đến cuộc đời và thơ Nguyễn Bảo; những đặc điểm về quê hương, gia tộc, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo; khảo sát thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong *Toàn Việt thi lục* và *Hoàng Việt thi tuyển* để xác định những vấn đề liên quan: hình thức ghi chép, niên đại, nội dung ghi chép, số lượng ghi chép thơ của Nguyễn Bảo. Đồng thời trên cơ sở đó lựa chọn một văn bản đáng tin cậy nhất làm văn bản cơ sở cho việc khảo sát văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

Thứ hai, trong quá trình khảo sát văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo, chỉ ra những vấn đề cụ thể của văn bản: đặc điểm về văn tự (chữ húy, chữ dị thể, chữ viết nhầm, viết sai, chữ thừa, chữ thiếu); đặc điểm về nội dung; khảo sát những dị biệt về nhan đề, trật tự sắp xếp và dị văn trong các bài thơ; tình hình dịch văn bản.

Thứ ba, căn cứ vào kết quả khảo sát văn bản thơ chữ Hán tiến hành phiên âm và dịch nghĩa các bài thơ. Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật để khẳng định quan điểm sáng tác, loại hình tác giả, và phong cách nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bảo.

* Tiểu kết chương 1

Chương 2. VĂN BẢN THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN BẢO

Trong chương này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu bối cảnh lịch sử - văn hóa - văn học, đặc điểm về quê hương, gia tộc, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo. Khảo sát các văn bản có sao chép thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trên các mặt: xuất xứ, niên đại, hình thức ghi chép, nội dung ghi chép, số lượng ghi chép. Căn cứ vào đặc điểm của từng văn bản xác định một văn bản đáng tin cậy nhất trong số các bản sao làm văn bản cơ sở để tiếp tục khảo sát thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

2.1. Tác giả Nguyễn Bảo

2.1.1. Bối cảnh lịch sử - văn hóa - văn học

Nguyễn Bảo sinh ra và lớn lên trong thời đại đất nước phát triển mạnh mẽ và toàn diện trên nhiều lĩnh vực cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Cùng với một nền văn hóa phát triển thịnh trị, đời sống nhân dân được ổn định, con em được học hành, được phát triển tài năng đã tạo đà cho đất nước ngày càng tiến bộ và phát triển không ngừng. Thời đại đó đã tác động rất lớn đến cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Bảo cũng như hàng ngũ quan liêu, Nho học phong kiến thời kỳ này. Cùng với chính sách ưu đãi người hiền tài, Nho học phát triển, chế độ khoa cử được mở rộng, Nguyễn Bảo đã sớm đỗ đạt làm quan, được trọng dụng và đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng trong triều cũng như trong sự nghiệp sáng tác văn chương. Chính thời đại ấy đã tác động các sáng tác của Nguyễn qua các nội dung như: xu hướng yêu nước; xu hướng thù tạc, ca ngợi sự thịnh trị và công đức của vua Lê Thánh Tông… đó là những đóng góp của ông đối với sự thành công và phát triển một nền văn hóa, văn học ở thế kỉ XV.

2.1.2. Quê hương và gia tộc

Nguyễn Bảo được sinh ra và lớn lên trong cái nôi văn hóa lâu đời của tỉnh Thái Bình. Ông đã được thừa hưởng không ít những giá trị văn hóa, văn hiến, văn vật của quê hương. Những giá trị ấy đã góp phần làm nên tâm hồn và nhân cách cao đẹp trong thơ Nguyễn Bảo. Tình yêu quê hương đã đi vào trong thơ ca để làm nên những vần thơ chân thành, giản dị về làng cảnh nông thôn Việt Nam tạo nên những dấu ấn riêng của ông trong kho tàng văn học trung đại Việt Nam.

Gia tộc Nguyễn Bảo được ghi trong các cuốn: *Phú Lạc xã Nguyễn Tộc gia phả, Nguyễn Tộc đại tông từ phụng sao* và *Gia phả Nguyễn tộc từ*. Trải qua 18 đời, dòng dõi Nguyễn Bảo có những thay đổi cùng thời cuộc

nhưng con cháu vẫn giữ được nề nếp gia phong và tiếp tục duy trì được truyền thống học hành.

Căn cứ vào các tư liệu trong từ đường Nguyễn Bảo chúng tôi xác lập thứ tự các đời sau của Nguyễn Bảo một cách tổng quát trong **Bảng 2.1. Gia phả Nguyễn Bảo**

2.1.3. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Bảo

Căn cứ vào các tư liệu ghi chép về Nguyễn Bảo, chúng tôi chia cuộc đời của ông làm ba giai đoạn: Trước khi thi đỗ; Sau khi thi đỗ và ra làm quan; và khi về quê trí sĩ. Từ những thông tin thu thập được chúng tôi đã xác lập được Niên biểu Nguyễn Bảo.

Sáng tác của Nguyễn Bảo chỉ xác định được những sáng tác bằng chữ Hán. Do những sáng tác bằng chữ Nôm không đề tên tác giả nên chúng tôi bỏ ngỏ trong nghiên cứu. Sáng tác bằng chữ Hán của Nguyễn Bảo có cả văn và thơ. Văn của Nguyễn Bảo, xác định còn 02 bài (bài *Phật Tích sơn Thiên Phúc tự Hiển Thụy am bi minh* và bài *Khôn Nguyên chí đức bi minh* soạn cùng với Nguyễn Xung Xác). Thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo, xác định được 162 bài trong *Toàn Việt thi lục* (từ đây viết tắt là *TVTL*), trong số đó có 12 bài trong *Hoàng Việt thi tuyển* (từ đây viết tắt là *HVTT*).

2.2. Các văn bản sao chép thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo

2.2.1. Thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong *Toàn Việt thi lục*

Trong số 13 bản sao *TVTL* hiện tồn chỉ có 05 bản kí hiệu HM.1239/A, A.1262, A.3200, A,393, A.132 là có thơ của Nguyễn Bảo. Qua khảo sát văn bản chúng tôi thấy tình hình sao chép thơ của Nguyễn Bảo trong các văn bản có những điểm khác biệt về: xuất xứ, niên đại, hình thức ghi chép, nội dung ghi chép và số lượng các bài thơ. Trong đó, về số lượng: bản A.132 có 161 bài thơ; các bản HM.1239/A, A.1262, A.3200 có 146 bài thơ; bản A.393 có 12 bài thơ. Căn cứ vào nội dung khảo sát thơ Nguyễn Bảo trong *TVTL*, cùng với quy cách tuyển chọn, biên soạn cho thấy *TVTL* là nguồn tư liệu quý báu và quan trọng để khảo sát văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

2.2.2. Thơ chữ Hán của Hán của Nguyễn Bảo trong *Hoàng Việt thi tuyển*

Qua khảo sát văn bản *HVTT* với các kí hiệu A.608, A.2857, VHv.1780, VHv.1451, VHv.1477, VHv.2150, chúng tôi thấy các văn bản đều được in từ một ván khắc. Thơ của Nguyễn Bảo được tuyển chọn là 12

bài, sau mỗi nhan đề bài thơ có ghi chú thêm thể thơ. Những bài này trùng khớp với những bài có trong *TVTL*, đặc biệt nhan đề và thứ tự sắp xếp và số lượng trùng khớp với bản *TVTL* A.393.

Kết quả khảo sát thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo được chúng tôi thống kê cụ thể trong **Bảng 2.2. Khảo sát thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản**

Trên cơ sở khảo sát văn bản, chúng tôi chia các văn bản có thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo ra làm ba nhóm: *Nhóm 1*, là bảo sao *TVTL* A.132. Đây là nhóm văn bản ghi chép số lượng thơ Nguyễn Bảo nhiều nhất (161 bài thơ); *Nhóm 2*, gồm các bản sao *TVTL* HM.2139/A, A.1262, A.3200. Đây là nhóm các văn bản có số lượng và trật tự sắp xếp các bài thơ như nhau trong văn bản (146 bài thơ); *Nhóm 3*, là văn bản *TVTL* A.393 và *HVTT*. Đây là nhóm các bản sao có số lượng thơ ít nhất (12 bài thơ).

Trong số các văn bản có thơ Nguyễn Bảo, chúng tôi thấy bản A.132 là bản ghi chép số lượng lớn thơ Nguyễn Bảo (161 bài). Số lượng ấy gần ứng với số liệu ghi trong văn bản. Đây cũng là số liệu gần ứng với nhiều nhận định về thơ Nguyễn Bảo trong các tài liệu nghiên cứu. Hơn nữa, đây là văn bản có hình thức ghi chép ổn định, nội dung ghi chép mạch lạc, chữ viết rõ ràng, dễ đọc; đây cũng là văn bản được các nhà nghiên cứu, dựa vào để tuyển dịch thơ Nguyễn Bảo. Vì vậy, chúng tôi chọn bản A.132 làm văn bản cơ sở để khảo sát văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

* Tiểu kết chương 2

Chương 3. KHẢO SÁT VĂN BẢN THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN BẢO

Căn cứ vào đặc điểm thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản đã được khảo sát ở chương 2, chúng tôi chọn bản *TVTL* A.132 làm văn bản cơ sở để tiến hành khảo sát và làm rõ các vấn đề: đặc điểm cấu trúc nội dung văn bản; khảo sát những dị biệt về nhan đề, trật tự sắp xếp và dị văn trong các bài thơ; đặc điểm về văn tự; tình hình dịch văn bản. Từ văn bản thơ chữ Hán đã được hiệu khám, xác lập thiện bản, phiên âm, dịch nghĩa và công bố 162 bài thơ của Nguyễn Bảo.

3.1. Đặc điểm cấu trúc nội dung văn bản

Nội dung thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo được chia làm hai phần: thơ cổ thể và thơ cận thể. Thơ cổ thể có 05 bài; thơ cận thể là 156 bài. Theo kết quả khảo sát thực tế văn bản A.132 có 161 bài thơ. Trong đó, có 9 bài chép thiếu chữ, 6 bài được bổ sung từ 3 bản khác, 01 bài được bổ sung từ bản dịch, 02 bài không có căn cứ bổ sung. Đồng thời, so sánh với ba bản thuộc *nhóm 2* thì bản A.132 thiếu 01 bài. Vì vậy chúng tôi đã bổ sung thêm 01 bài thơ theo như trật tự sắp xếp trong các bản sao. Như vậy, tổng số thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo hiện còn là 162 bài. Trong đó, chia ra làm các thể loại sáng tác: thể *bát cú* 142 bài, thể *tứ tuyệt* 14 bài, thể t*rường thiên* là 06 bài.

3.2. Khảo sát dị biệt trong nhan đề, trật tự sắp xếp và dị văn trong các bài thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo

Dựa vào mối liên hệ mật thiết về thơ Nguyễn Bảo trong các văn bản như đã nói ở chương 2, chúng tôi đã chia các văn bản thành 3 nhóm: *Nhóm 1*, là bảo sao *Toàn Việt thi lục* A.132; *Nhóm 2*, là các bản sao *Toàn Việt thi lục* HM.2139/A, A.1262, A.3200; *Nhóm 3*, là bản sao *Toàn Việt thi lục* A.393 và bản khắc in *Hoàng Việt thi tuyển* (A.608).

Trên cơ sở lấy bản A.132 làm nền tảng, chúng tôi tiến hành khảo sát những dị biệt qua sự so sánh, đối chiếu giữa *nhóm 1* và *nhóm 2* (bao gồm 145 bài thơ); *nhóm 1* và *nhóm 3* (bao gồm 12 bài thơ).

3.2.1. Khảo sát dị biệt giữa bản *Toàn Việt thi lục* A.132 với các bản *Toàn Việt thi lục* HM.2139/A, A.1262, A.3200

Trong nội dung này, để vấn đề khảo dị được rõ ràng, chúng tôi chia ra 2 nội dung nhỏ: 1) Khảo sát dị biệt về nhan đề và trật tự sắp xếp các bài thơ; 2) Khảo sát dị văn trong các bài thơ.

Kết quả khảo sát dị biệt đã được chúng tôi thống kê rất cụ thể trong bảng *Phụ lục số 04, mục 4.3*: Khảo dị và biện luận thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản và *mục 4.4*. Khảo sát dị văn thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản *Toàn Việt thi lục* A.132 (bản A), HM.2139/A (bản B), A.1262 (bản C), A.3200 (bản D). Dưới đây là kết quả tổng hợp:

Bảng 3.1. Khảo dị thơ Nguyễn Bảo giữa văn bản *nhóm 1* và *nhóm 2*

Các vấn đề	***Nhóm 1* và *nhóm 2* (145 bài thơ)**			**Ghi chú (tổng)**
	Đồng nhất	Dị biệt		
Nhan đề	117 bài	17 trường hợp dị biệt với cả 3 bản	11 trường hợp dị biệt với 1 hoặc 2 bản	28 bài dị biệt về nhan đề
Trật tự sắp xếp	122 bài	07 bài *nhóm 1* trật tự sắp xếp khác với *nhóm 2*	16 bài không có trong *nhóm 2*	23 trường hợp
Dị văn	16 bài	50 trường hợp dị biệt nhưng giống nhau về nghĩa	153 trường hợp dị biệt khác nhau về nghĩa: 108 trường hợp khác với cả 3 bản; 45 trường hợp dị biệt khác nhau về nghĩa với 1 hoặc 2 bản	203 trường hợp/ 129 bài có dị văn trong câu thơ

Trong số 145 bài thơ cùng có trong A.132 và các bản sao thuộc *nhóm 2* thì có 117/145 bài đồng nhất về nhan đề, có 28/145 bài thơ có nhan đề khác với các bản sao khác. Có 23 trường hợp *nhóm* 1 có trật tự sắp xếp khác với *nhóm 2*. Có 16/145 bài không có dị văn, có 129/145 bài xuất hiện dị văn. Trong đó, có khoảng 50 trường hợp khác nhau về hình thể hoặc âm đọc nhưng giống nhau về mặt ý nghĩa, khoảng 153 trường hợp khác nhau về hình thể âm đọc và ý nghĩa. Với những trường hợp giống nhau về ý nghĩa sẽ không ảnh hưởng đến nội dung truyền đạt và giá trị văn bản. Nhưng, với những trường hợp khác nhau về mặt ý nghĩa, chúng tôi chỉ có thể thống kê để đối chiếu sự khác nhau giữa các bản sao. Tương ứng với những chữ dùng khác nhau sẽ có nội dung dịch khác nhau. Cũng trên cơ sở đó, trong quá trình dịch các bài thơ của Nguyễn Bảo, chúng tôi chỉ hiệu khám những chữ có cơ sở để nhận định là những chữ sai, còn lại chúng tôi tôn trọng chữ dùng trong bản A.132 khi công bố thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo.

3.2.2. Khảo sát dị biệt giữa bản *Toàn Việt thi lục* A.132 với các bản *Toàn Việt thi lục* A.393 và *Hoàng Việt thi tuyển*

Trong quá trình khảo sát bản sao, chúng tôi thấy bản sao *TVTL* A.393 và bản in *HVTT* (A.608) đồng nhất về số lượng các bài thơ; trật tự sắp xếp các bài thơ; nhan đề các bài thơ, nội dung văn bản thơ. Bản *HVTT* chỉ có 03 điểm khác biệt với bản sao *TVTL* A.393, đó là: 1) ghi thêm thể thơ ở cuối mỗi bài; 2) cuối bài *Xuân nhật tức sự* có thêm chữ dòng chữ *Đề quyết điểu danh bố cốc* 鵜 鴣 鳥 名 佈 穀; 3) cuối nhan đề bài thơ *Phụng canh ngự chế đề Bàn A sơn* có ghi *Cảnh thống tứ niên* 景 統 四 年 (Niên hiệu Cảnh Thống năm thứ 4).

Khi so sánh các bản thuộc *nhóm 1* với *nhóm 3* chúng tôi thấy có những dị biệt về nhan đề và trật tự sắp xếp và dị văn trong các bài thơ. Theo tên nhan đề và trật tự sắp xếp của 12 bài thơ trong *nhóm 3* chúng tôi so sánh với A.132. Kết quả khảo dị được chúng tôi tổng kết trong bảng dưới đây:

Bảng 3.2. Khảo dị thơ Nguyễn Bảo giữa văn bản *nhóm 1* và *nhóm 3*

Các vấn đề	***Nhóm 1* và *nhóm 3* (12 bài thơ)**		**Ghi chú (tổng)**
	Đồng nhất	Dị biệt	
Nhan đề	09 bài	03 bài dị biệt (02 nhan đề dị biệt với cả 2 bản; 1 nhan đề dị biệt với 1 bản	03 bài dị biệt về nhan đề
Trật tự sắp xếp	12 bài	12 bài *nhóm 3* trật tự sắp xếp khác với *nhóm 1*	12 trường hợp
Dị văn	03 bài	24 trường hợp dị văn/09 bài	09 bài có dị văn trong câu thơ

Như vậy, trong số 12 bài thơ, có 09 bài đồng nhất về nhan đề. Có ba bài khác nhau về nhan đề giữa *nhóm 1* và *nhóm 3*. Trong đó, có 02 trường hợp dị biệt với cả 02 bản, 01 trường hợp dị biệt với một bản. Trật tự sắp xếp các bài trong *nhóm 3* bị đảo ở những vị trí khác nhau so với A.132. Chúng xuất hiện đan xen với trật tự những bài khác trong bản A.132. Có 03 bài không có dị văn. Có 24 trường hợp dị văn trong 09 bài thơ.

Kết quả khảo sát cụ thể các bản sao đã được chúng tôi thống kê đầy đủ trong bảng *Phụ lục số 04; mục 4.3* và *mục 4.4.* Qua sự so sánh đối chiếu đồng thời giữa *nhóm 1* và *nhóm 3* chúng ta có thêm cơ sở để nhận định mối liên hệ mật thiết giữa các bản sao trong *nhóm 3*. Đồng thời, chúng ta cũng có được cái nhìn đầy đủ hơn về tình hình sao chép thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo trong các văn bản hiện tồn.

3.3. Đặc điểm về văn tự

3.3.1. Chữ húy

Trong văn bản A.132 có kiêng húy chữ *thời* 時 (tên chính thức của vua Tự Đức triều Nguyễn là Nguyễn Phúc Thì 阮 福 時), chữ *hoa* 華 (tên của Thuận Đức Hoàng thái hậu, mẹ vua Thiệu Trị, bà nội vua Tự Đức là Hồ Thị Hoa 胡 氏 華), chữ *tông* 宗 (tên chính trước khi làm vua của Thiệu Trị, bố vua Tự Đức là Nguyễn Phúc Miên Tông 阮 福 綿 宗). Qua sự so sánh với các bản sao, chúng tôi nhận định các bản A.132, A.3200 là bản sao thời nhà Nguyễn. Các bản HM.2139/A, A.1262 là những bản sao thời nhà Lê. Bản A.393, theo các nhà nghiên cứu trước đó là bản sao thời Nguyễn. Vì số lượng thơ của Nguyễn Bảo ít nên chúng tôi chưa có sơ sở để nhận định thêm

3.3.2. Chữ viết lược nét

Căn cứ vào hình thể chữ được viết dưới dạng đầy đủ nhất, chúng tôi xác định có những chữ được viết lược nét trong bản A.132. Đó là những chữ được viết lược nét theo thói quen, không theo quy ước và chỉ có trong văn bản Hán Nôm Việt Nam. Đó là cách viết đơn giản hơn bằng cách lược đi một số nét của chữ Hán để nhằm mục đích viết nhanh hơn, dễ hơn.

3.3.3. Chữ viết đảo trậtn tự, viết sai

Các bản *TVTL* là những bản chép tay, do đó trong quá trình sao chép văn bản thường dẫn đến những sai sót về trật tự, hoặc nhầm lẫn giữa các chữ có cách viết, cách đọc gần giống nhau, hoặc bỏ sót chữ,... Với những chữ viết đảo trật tự, viết sai trong bản A.132 chúng tôi căn cứ vào tư liệu tra cứu, dựa vào tự dạng, mối liên hệ về mặt ý nghĩa của chúng trong từng câu, từng bài, dựa vào các chữ dùng trong các bản sao khác để hiệu khám trong văn bản.

3.3.4. Chữ thừa

Thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo được sáng tác theo hình thức thơ *cổ thể* và *cận thể*. Căn cứ vào thể loại sáng tác: *bát cú* hoặc *tứ tuyệt*, văn bản có những chữ thừa và hầu hết đã được chỉ ra trong văn bản bằng cách đánh dấu chấm son để nhận biết.

3.3.5. Chữ thiếu

Trong văn bản A.132 có những chữ thiếu đã được bổ sung trong văn bản và có những chữ thiếu nhưng bỏ trống trong văn bản với dụng ý chờ bổ khuyết. Căn cứ vào các bản sao, các tư liệu tuyển dịch, chúng tôi đã bổ sung được một số chữ thiếu trong các bài thơ, nhưng cũng có những chữ thiếu không có căn cứ để bổ sung vì vậy chúng tôi chỉ có thể đoán định và bỏ ngỏ trong văn bản.

3.4. Một số vấn đề đối với bản phiên dịch các bài thơ của Nguyễn Bảo

Trong số 162 bài thơ của Nguyễn Bảo, có 42 bài thơ đã được tuyển dịch. Tuy nhiên, có những chữ phiên dịch sai không nằm trong những trường hợp phải biến đổi âm đọc, vì vậy chúng tôi xếp chúng vào hiện tượng có vấn đề. Vấn đề đó cần được xem xét và hiệu đính.

Những chữ phiên dịch sai đã được chúng tôi thống kê trong *Phụ lục số 04, mục 4.4. Bảng thống kê những chữ phiên dịch sai trong các bản dịch thơ Nguyễn Bảo*.

* Tiểu kết chương 3

Chương 4. GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT TRONG THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN BẢO

Thơ Nguyễn Bảo mang đậm dấu ấn của văn học trung đại Việt Nam nửa cuối thế kỉ XV. Về nội dung, đó là sự kế thừa nội dung yêu nước, phát triển thơ ca theo xu hướng thù tạc, ca ngợi sự thịnh trị và công đức của vua Lê Thánh Tông. Những nội dung ấy đã thể hiện tư tưởng của một *nhà nho hành đạo*. Đồng thời, với những vần thơ viết về nông thôn, Nguyễn Bảo đã góp phần làm nên bước tiến mới cho văn học trung đại Việt Nam. Về nghệ thuật, thơ Nguyễn Bảo có tính quy phạm và bất quy phạm qua một số phương diện nghệ thuật như sử dụng điển cố, sử dụng ngôn từ…

4.1. Giá trị nội dung

Trong nội dung này, chúng tôi sẽ tìm hiểu giá trị thơ Nguyễn Bảo với những nội dung thể hiện: xu hướng yêu nước; xu hướng thù tạc, ca ngợi sự

thịnh trị và công đức của vua Lê Thánh Tông; và ý thức trách nhiệm của bản thân… để thấy được quan điểm của một *nhà nho hành đạo*. Mặt khác, qua những vần thơ chân thành, giản dị, về làng cảnh nông thôn, chúng tôi sẽ nhận định rõ hơn những dấu ấn riêng trong sáng tác thơ của Nguyễn Bảo.

4.1.1. Xu hướng thù tạc, ca ngợi sự thịnh trị và công đức của vua Lê Thánh Tông

Nội dung thù tạc, ca ngợi sự thịnh trị và công đước của vua Lê Thánh Tông được xuất phát từ những lý do khách quan và chủ quan khác nhau. Cảm hứng sáng tác được gợi lên từ nhiều hoàn cảnh khác nhau: Có khi từ cảnh núi non hùng vĩ mà nghĩ đến thế nước vững bền; từ cuộc sống yên vui của nhân dân mà ông nghĩ đến công lao, tài đức của nhà vua; từ những việc làm thực tế của vua mà ông cảm nhận được tấm lòng nhân chính, lo cho dân cho nước. Nhưng bao trùm lên cảm hứng sáng tác chính là chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo đặc trưng của văn học trung đại Việt Nam.

4.1.2. Chủ đề nông thôn

Nguyễn Bảo là một trong những nhà thơ viết sớm và viết hay về đề tài con người và cảnh tượng thôn dã trong lao động nông nghiệp, cuộc sống đồng quê. Tình yêu quê hương của ông thường gắn bó với người và cảnh; thể hiện qua sự đồng cảm với những lo lắng, buồn, vui của người nông dân; vừa thể hiện cái tôi trữ tình, vừa thể hiện sự gắn bó với tình yêu quê hương đất nước. Cảnh và người trong thơ Nguyễn Bảo mang đậm nét của làng cảnh nông thôn Việt Nam.

4.1.3. Xu hướng yêu nước

Tình yêu quê hương đất nước trong thơ Nguyễn Bảo được thể hiện cụ thể hơn qua niềm tự hào khi viết về những di tích. Tình yêu ấy vừa mang đậm sắc thái riêng, chân thành, mộc mạc, giản dị mà thấm đẫm sắc màu dân tộc.

4.1.4. Ý thức trách nhiệm của bản thân

Ý thức trách nhiệm của bản thân đối với quê hương đất nước của Nguyễn Bảo được thể hiện từ những mong muốn được đóng góp công sức cho đất nước thái bình, thịnh trị. Ông thể hiện rõ quan niệm sống là vì dân, vì chế độ. Ông không ngừng nhắc nhở bản thân phải tu dưỡng, học tập và

rèn luyện theo những tấm gương sáng trong sử sách, trong triều từ lý tưởng sống, cách ứng xử, cách hành đạo sao cho có lợi cho dân cho nước. Nguyễn Bảo trân trọng những cách sống thanh bần, giản dị nhưng giữ cho tấm lòng luôn trong sạch, thủy chung. Từ trong sâu thẳm, ông luôn tin tưởng, lạc quan đối với chế độ. Ông luôn ý thức rõ về vai trò, nghĩa vụ và vị trí của mình. Vì vậy, ông đề cao chuẩn tắc của người làm vua, nhắc nhở đến nghĩa vụ của bậc quân thượng phải chú ý đến đời sống của dân. Bên cạnh đó, tác giả tỏ rõ thái độ cười chê, lên án những cách sống tham lam, ích kỷ.

4.2. Giá trị nghệ thuật

Giá trị nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bảo thể hiện những đặc điểm chung của nghệ thuật văn học trung đại Việt Nam: *Thứ nhất*, có tính quy phạm và bất quy phạm. *Thứ hai,* có tính tranh nhã và bình dị. *Thứ ba*, có yếu tố Hán, văn hóa Hán. Đặc biệt, với nghệ thuật sử dụng điển cố, sử dụng ngôn từ gốc Hán, Nguyễn Bảo đã có hướng tiếp cận riêng để thể hiện những tâm tư, tình cảm và tư tưởng riêng trong sáng tác. Vì vậy, có một số phương diện nghệ thuật tiêu biểu được chúng tôi xem xét đó là: nghệ thuật sử dụng điển cố, nghệ thuật sử dụng ngôn từ.

4.2.1. Nghệ thuật sử dụng điển cố

Điển cố là một trong những biện pháp tu từ được sử dụng nhiều trong thơ Nguyễn Bảo. Trong số 162 bài thơ của Nguyễn Bảo, có khoảng 137 bài thơ sử dụng điển cố. Trong đó, ông thiên về cách dùng điển để ám chỉ đến một việc cũ, tích xưa. Những điển cố đã được Nguyễn Bảo sử dụng hài hòa và thống nhất cả về nghĩa đen và nghĩa bóng. Những điển cố được sử dụng thường làm sống lại lịch sử. Những điển cố được sử dụng mang tính khái quát, tính hình tượng, tính liên tưởng, tính cô đọng hàm súc, tính đa dạng và tính linh động. Bằng cách sử dụng điển cố, Nguyễn Bảo đã viết nên những câu thơ sinh động, tránh được sự khô khan trần trụi; những điển cố đã góp phần thể hiện chí hướng; chúng được sử dụng để sự diễn tả được sâu sắc, hàm súc, lời hết mà ý vô cùng; cách dùng điển cố giúp sự diễn tả được thanh nhã, tinh tế; những ví dụ hay chứng cớ được xác thực cho lập luận. Xét về một khía cạnh nào đó, điển cố là những lời văn vẻ, kiểu cách nhưng nhờ vậy mà giúp cho lời thơ cao quý, tao nhã và sang trọng hơn. Đó cũng là cách để khoe chữ nhằm thể hiện sự thông thái, nho nhã.

4.2.2. Nghệ thuật sử dụng ngôn từ

Ngôn từ trong thơ Nguyễn Bảo vừa thể hiện sự trang nhã vừa thể hiện sự bình dị, tự nhiên. Tính trang nhã trong thơ Nguyễn Bảo một mặt được thể hiện ngay trong bản thân từ Hán vốn có tính hình tượng và đa nghĩa, thể hiện trong những điển vốn cô đọng và hàm súc; thể hiện trong những hình ảnh quen thuộc thường thấy trong thơ cổ. Trong thơ Nguyễn Bảo hình ảnh trang nhã hòa lẫn với những hình ảnh bình dị gần gũi với làng cảnh nông thôn Việt Nam. Nhờ những câu thơ giàu hình ảnh ấy, Nguyễn Bảo đã tạo nên những hình thơ vừa có nét cổ điển vừa có nét đặc trưng của làng cảnh nông thôn Việt Nam. Qua thơ ông thiên nhiên và con người cũng được hiện nên với nhiều sắc thái: có lúc là không gian mộc mạc, đơn sơ, giản dị và gần gũi khi viết về con người, cuộc sống lao động của làng cảnh nông thôn; nhưng có lúc lại hiện lên sự oai linh, hùng vĩ, hoành tráng trong vẻ đẹp của vua hùng, quốc tráng; vẻ đẹp của những di tích, danh lam thắng cảnh… Bằng nghệ thuật sử dụng ngôn từ đặc sắc Nguyễn Bảo đã tạo nên tính họa "thi trung hữu họa" và tính nhạc "thi trung hữu nhạc" trong thơ. Đặc biệt, với những từ *song thanh*, *điệp âm*, *điệp vận* đã đem lại cho thơ Nguyễn Bảo sự uyển chuyển, tươi tắn và sinh động, giúp tạo nên tính hình tượng cao, có được âm điệu du dương, trầm bổng và giúp sự diễn đạt được sâu sắc và tinh tế hơn. Đồng thời, chúng có khả năng khơi gợi cảm xúc, tâm trạng của con người.

* Tiểu kết chương 4

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Nguyễn Bảo sinh ra và lớn lên trong thời đại đất nước phát triển mạnh mẽ và toàn diện trên nhiều lĩnh vực cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Cùng với một nền văn hóa phát triển thịnh trị, đời sống nhân dân được ổn định, con em được học hành, được phát triển tài năng đã tạo đà cho đất nước ngày càng tiến bộ và phát triển không ngừng. Thời đại đó đã tác động rất lớn đến cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Bảo cũng như hàng ngũ quan liêu, Nho học phong kiến thời kỳ này. Cùng với chính sách ưu đãi người hiền tài, Nho học phát triển, chế độ khoa cử được mở rộng, Nguyễn Bảo đã sớm đỗ đạt làm quan, được trọng dụng và đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng nơi chốn quan trường cũng như trong sự nghiệp sáng tác văn chương. Thời đại ấy đã tác động đến sáng tác của Nguyễn Bảo qua những nội dung như: xu hướng yêu nước, ca tụng và cổ vũ ý chí xây dựng quốc gia; xu hướng thù tạc, ca ngợi chế độ phong kiến, ca tụng vua Lê Thánh Tông… đó là những đóng góp của ông đối với sự thành công và phát triển một nền văn hóa, văn học ở thế kỉ XV. Hơn nữa, Nguyễn Bảo được sinh ra và lớn lên trong cái nôi của một nền văn hóa lâu đời của tỉnh Thái Bình. Ông đã được thừa hưởng không ít những giá trị văn hóa, văn hiến, văn vật của quê hương. Những giá trị ấy đã góp phần làm nên tâm hồn và nhân cách cao đẹp trong thơ ông. Tình yêu ấy đã đi vào trong thơ ca để làm nên những vần thơ chân thành, giản dị về làng cảnh nông thôn Việt Nam tạo nên những dấu ấn riêng của ông trong kho tàng văn học trung đại Việt Nam.

1.2. Trong quá trình điền dã, chúng tôi đã tìm hiểu thêm về gia tộc Nguyễn Bảo trong các cuốn: *Phú Lạc xã Nguyễn Tộc gia phả, Nguyễn Tộc đại tông từ phụng sao* và *Gia phả Nguyễn tộc từ*. Trải qua 18 đời, dòng dõi Nguyễn Bảo có những thay đổi cùng thời cuộc nhưng về con cháu vẫn giữ được nề nếp gia phong và tiếp tục duy trì được truyền thống học hành. Thông qua những tư liệu ghi chép về Nguyễn Bảo chúng tôi thấy Nguyễn Bảo xuất thân từ tầng lớp nông dân nhưng giàu lòng hiếu học. Sau khi đỗ đạt thành danh, ông đã được vua Lê Thánh Tông trọng dụng. Từ đó, Nguyễn Bảo đã không ngừng được tín nhiệm và đề bạt. Với một người xuất thân từ tầng lớp nông dân mà trở nên một vị đại thần như Nguyễn

Bảo cũng là một điều hiếm có lúc bấy giờ; ông không những là một vị đại thần bình thường mà còn là một vị đại thần thân cận, được vua Lê tin cẩn và giao phó những công việc quan trọng. Đặc biệt là việc việc dạy dỗ Thái tử Lê tranh. Nguyễn Bảo cũng giống như nhiều nhà Nho cùng chung chí hướng đương thời, sau khi đã cống hết mình cho triều đình nhà Lê ông đã về quê trí sĩ, mở trường dạy học, sau đó mất tại quê nhà.

1.3. Sáng tác của Nguyễn Bảo chỉ xác định được những sáng tác bằng chữ Hán, trong đó có cả văn và thơ. Văn của Nguyễn Bảo được xác định còn lại 02 bài. Thơ của Nguyễn Bảo còn lại 162 bài được sao chép trong *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn và một số bài trong *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi Huy Bích.

1.4. Trong quá trình khảo sát các văn bản, chỉ có 05 bản sao *Toàn Việt thi lục* HM.2139/A, A.1262, A.3200, A.132, A.393 là có nội dung chép thơ của Nguyễn Bảo và bản khắc in *Hoàng Việt thi tuyển* (A.608). Trên cơ sở khảo sát xuất xứ, niên đại, hình thức, nội dung và số lượng thơ Nguyễn Bảo, chúng tôi thấy giữa các bản sao có những mối liên hệ mật thiết. Trong đó, *Nhóm 1*, là bảo sao *Toàn Việt thi lục* A.132, đây là văn bản ghi chép số lượng thơ Nguyễn Bảo nhiều nhất (qua khảo sát văn bản chép 161 bài thơ); *Nhóm 2*, gồm các bản sao *Toàn Việt thi lục* HM.2139/A, A.1262, A.3200, đây là nhóm các bản sao có số lượng và trật tự sắp xếp các bài thơ như nhau trong văn bản (qua khảo sát văn bản chép 146 bài thơ); *Nhóm 3*, là bản sao *Toàn Việt thi lục* A.393 và *Hoàng Việt thi tuyển* (A.608), đây là nhóm các bản sao có số lượng ít nhất (khảo sát văn bản chép 12 bài thơ). Dựa trên những kết quả khảo sát các bản sao trên, chúng tôi thấy bản A.132 có hình thức ghi chép ổn định, nội dung ghi chép mạch lạc, chữ viết rõ ràng, dễ đọc. Đặc biệt, đây là văn bản có ghi chép số lượng lớn nhất thơ Nguyễn Bảo; số lượng bài thơ tương ứng với ghi chép trong văn bản và trong các tư liệu nghiên cứu trước đó; đây cũng là văn bản được các nhà nghiên cứu quan tâm để tuyển dịch một số bài thơ. Vì vậy, chúng tôi xác định bản A.132 là văn bản đáng tin cậy để lựa chọn làm văn bản cơ sở.

1.5. Thông qua quá trình khảo sát văn bản cơ sở A.132, chúng tôi đã làm sáng tỏ được những vấn đề liên quan đến văn bản như:

Thứ nhất, đặc điểm cấu trúc nội dung văn bản. Trong bản A.132, từ trang 73a đến trang 73 là phần *tiểu truyện* về Nguyễn Bảo, từ trang 73b

đến trang 109b là phần ghi chép thơ của Nguyễn Bảo. Nội dung văn bản được chia làm hai phần: thơ cổ thể và thơ cận thể. Thơ cổ thể có 05 bài, thơ cận thể là 156 bài, tổng số có 161 bài thơ trong bản A.132. Trong đó, có 9 bài chép thiếu chữ, thì 7 bài đã được bổ sung và hoàn thiện từ các bản sao và tư liệu dịch, 2 bài không có căn cứ để bổ sung. Dựa vào các bản sao khác, chúng tôi đã bổ sung thêm 01 bài thơ không có trong bản A.132. Như vậy, từ các văn bản ghi chép thơ, chúng tôi tổng kết được số lượng thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo hiện còn là 162 bài, với các thể loại sáng tác: *bát cú, tứ tuyệt* và t*rường thiên*.

Thứ hai, khảo sát dị biệt trong nhan đề, trật tự sắp xếp và dị văn trong các bản sao thơ Nguyễn Bảo. Chúng tôi thấy, ngoài những vấn đề khác nhau về xuất xứ, niên đại, hình thức, nội dung sao chép và số lượng bài thơ, các bản sao còn có nhiều sự khác biệt về nhan đề, trật tự sắp xếp, và dị văn trong các bản sao. Để làm sáng tỏ hơn vấn đề này, dựa vào mối liên hệ mật thiết giữa các bản sao, chúng tôi đã chia các bản sao thơ Nguyễn Bảo thành 3 nhóm: *Nhóm 1*, là bảo sao *Toàn Việt thi lục* A.132. *Nhóm 2*, là các bản sao *Toàn Việt thi lục* HM.2139/A, A.1262, A.3200; *Nhóm 3*, là bản sao *Toàn Việt thi lục* A.393 và bản in *Hoàng Việt thi tuyển* (A.608). Trên cơ sở lấy bản sao A.132 làm nền tảng, chúng tôi tiến hành so sánh, đối chiếu giữa *nhóm 1* và *nhóm 2* (bao gồm 145 bài thơ); giữa *nhóm 1* và *nhóm 3* (bao gồm 12 bài thơ). Kết quả khảo sát cho thấy, giữa các bản sao có sự khác nhau về nhan đề, về trật tự sắp xếp và xuất hiện nhiều dị văn trong các bản sao. Sự khác biệt giữa nhóm 1 với các bản khác có khi là khác biệt với tất cả các bản sao, có khi là khác biệt với 1, hoặc 2, hoặc 3… bản sao khác. Trong đó, vấn đề cần được quan tâm nhiều nhất là tình hình dị văn trong các bản sao. Xét về ý nghĩa, có những chữ giống nhau về mặt ý nghĩa, có những chữ khác nhau hoàn toàn về mặt ý nghĩa. Tương ứng với sự khác nhau về ý nghĩa sẽ có nội dung dịch khác nhau. Trên nguyên tắc tôn trọng văn bản cơ sở, chúng tôi giữ nguyên trật tự sắp xếp, chữ dùng trong bản sao A.132, để công bố và tuyển dịch thơ Nguyễn Bảo.

Thứ ba, đặc điểm về văn tự. Có những chữ được xem xét đó là: chữ húy, chữ viết lược nét, chữ viết đảo trật tự, chữ viết sai, chữ thừa, chữ thiếu. Trong đó, các bản A.132 và A.3200 có những chữ kiêng húy đời Nguyễn, nên chúng tôi đoán định đây là các bản sao thời Nguyễn; và các

bản sao HM.2139/A và A.1262 không thấy kiêng húy, vì vậy chúng tôi đoán định đây là các văn bản được sao chép vào thời Hậu Lê; bản sao A.393 không thấy kiêng húy, vì số lượng thơ Nguyễn Bảo chép trong bản sao này ít, nên kết quả khảo sát của chúng tôi chưa đủ căn cứ để nhận định rõ hơn về văn bản, vì vậy chúng tôi tôn trọng kết quả nghiên cứu trước đó [48] là văn bản sao chép thời Nguyễn; Căn cứ vào tự dạng, chúng tôi thấy bản A.132 có những chữ viết lược nét theo thói quen để nhằm mục đích viết nhanh hơn trong văn bản; Các bản sao *Toàn Việt thi lục* là những bản chép tay, do đó trong văn bản có những trường hợp sai sót về trật tự, hoặc nhầm lẫn giữa các chữ có cách viết, cách đọc gần giống nhau, hoặc bỏ sót chữ,... Trong những trường hợp này, căn cứ vào các tư liệu từ điển, căn cứ vào các bản sao, chúng tôi đã chỉ ra những chữ bị viết đảo trật tự, viết sai trong văn bản A.132 để hiệu khám và xác lập thiện bản. Ngoài ra, trong văn bản A.132 có những chữ thừa, chữ thiếu. Căn cứ vào thể loại sáng tác thơ, căn cứ vào các bản sao, chúng tôi đã xác định có những chữ thừa, chữ thiếu trong văn bản. Trong đó, có những chữ thừa đã được chỉ ra bằng cách đánh dấu chấm son để nhận diện, những chữ thiếu có khi được hiệu đính bằng cách viết nhỏ hơn bên cạnh để bổ sung trong văn bản, nhưng cũng có những chữ thiếu chưa xác định nên được bỏ trống trong văn bản với dụng ý chờ bổ khuyết. Có những chữ thiếu đã được chúng tôi bổ sung từ các bản sao, tư liệu dịch, nhưng cũng có những chữ không có căn cứ để bổ sung, nên chúng tôi chỉ có thể đưa ra ước đoán về nghĩa của câu thơ, và bỏ ngỏ chữ trong văn bản.

Thứ tư, tình hình dịch văn bản. Trong số 162 bài thơ của Nguyễn Bảo, có 42 bài thơ đã được tuyển dịch. Tuy nhiên có những chữ phiên dịch sai trong quá trình phiên âm Hán Việt đã được chúng tôi thống kê trong phần phụ lục. Những chữ phiên âm sai không nằm trong những trường hợp phải biến đổi âm đọc, vì vậy chúng tôi xếp chúng vào hiện tượng có vấn đề được xem xét, hiệu đính khi tuyển dịch thơ Nguyễn Bảo.

1.6. Giá trị nội dung và nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bảo mang đậm dấu ấn của văn học trung đại Việt Nam ở thế kỉ XV. Trong đó, về giá trị nội dung: thơ ông thể hiện xu hướng xu hướng thù tạc, ca ngợi sự thịnh trị và công đức của vua Lê Thánh Tông; xu hướng yêu quê nước qua niềm tự hào về những di tích, danh lam thắng cảnh; niềm tin, niềm tự hào về những

người tài đức; và ý thức trách nhiệm của bản thân đối với quê hương đất nước. Đó là những nội dung thể hiện sự kế thừa và phát huy quan điểm sáng tác "văn dĩ tải đạo", "thi dĩ ngôn chí", là chủ nghĩa yêu nước gắn với chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa hiện thực trong thơ ca trung đại Việt Nam. Hơn nữa, những vần thơ miêu tả non nước hùng vĩ, tươi đẹp; cuộc sống yên vui, đất nước thái bình thịnh trị, nhân dân sống trong cảnh ấm đo, hạnh phúc trong thơ, ta thấy Nguyễn Bảo còn thể hiện rất rõ vai trò của một người cầm bút: phản ánh hiện thực, xây dựng và củng cố chế độ, sống có lý tưởng, hết lòng vì quốc gia, vì dân tộc… Những nội dung ấy đã thể đã thể hiện quan điểm của *nhà nho hành đạo* trong sáng tác của Nguyễn Bảo. Đặc biệt, với chủ đề nông thôn được được thể hiện qua những vần thơ miêu tả con người, cảnh vật và cuộc sống thôn quê, Nguyễn Bảo đã trở thành một trong những người viết hay viết sớm về chủ đề nông thôn. Với những giá trị nội dung trên, thơ chữ Hán của Nguyễn Bảo không chỉ mang đậm màu sắc dân tộc, mà ông còn có những đóng góp không nhỏ đối với sự thành công và phát triển của văn học trung đại nửa cuối thế kỉ XV.

Thơ Nguyễn Bảo có tính quy phạm và bất quy phạm. Tính quy phạm được thể hiện qua việc sáng tác thể thơ Đường luật, nghệ thuật đối ngẫu, nghệ thuật sử dụng điển cố, nghệ thuật sử dụng ngôn từ… Trong đó, với nghệ thuật sử dụng điển cố, Nguyễn Bảo đã giúp cho những câu thơ thêm cô đọng, hàm súc, thể hiện sâu sắc hơn những nội dung giáo huấn đạo đức, giáo hóa cuộc đời "thi dĩ ngôn chí", dùng thơ để bộc lộ ý chí, bày tỏ quan điểm của bản thân. Tính quy phạm còn được thể hiện trong việc sử dụng ngôn từ trang nhã, có tính hình tượng cao trong những khuân mẫu định sẵn. Đồng thời, với những từ *song thanh*, *điệp âm*, *điệp vận* Nguyễn Bảo đã tạo nên những câu thơ giàu giá trị biểu đạt. Mặt khác, tính bất quy phạm được thể hiện qua những hình ảnh dân dã, bình dị, gần gũi, gắn liền với đời sống con người Việt Nam; là nghệ thuật sử dụng ngôn từ bình dị để miêu tả những hình ảnh mộc mạc, đơn sơ chỉ có ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Những đặc trưng nghệ thuật đã tạo nên những câu thơ giàu tính nhạc "thi trung hữu nhac", giàu tính họa "thi trung hữu họa", vừa mang sắc thái cổ điển vừa bình dị, gần gũi trong thơ Nguyễn Bảo. Những giá trị về nội dung và nghệ thuật đã khẳng định những đóng góp của Nguyễn Bảo đối với sự

thành công và phát triển của nền văn học trung đại Việt Nam thế kỉ XV nói riêng và văn hóa Đại Việt nói chung.

Trong số 175 nhà thơ, với khoảng 1.779 bài thơ được chép trong *Toàn Việt thi lục*, còn có rất nhiều vấn đề chưa được nghiên cứu và tìm hiểu. Kết quả *Nghiên cứu văn bản và giá trị thơ chữ Hán Nguyễn Bảo* của chúng tôi mới chỉ giải quyết được một phần nhỏ nhiệm vụ đặt ra trong công tác nghiên cứu Hán Nôm. Ngoài tác giả, tác phẩm Nguyễn Bảo còn có rất nhiều tác giả, tác phẩm khác cần được khảo cứu. Một mặt, việc nghiên cứu các tác giả, tác phẩm giúp bổ sung, hoàn thiện những vấn đề còn thiếu trong nghiên cứu. Mặt khác, vấn đề so sánh thơ của Nguyễn Bảo với thơ của các tác giả khác cùng thời của chúng tôi mới có cơ sở để tìm hiểu, xem xét kỹ càng hơn.

2. Kiến nghị

Chúng tôi mong rằng, việc in ấn, giới thiệu các tác phẩm thơ ca Nguyễn Bảo cần được quan tâm, xem xét, cũng như việc đưa các tác phẩm thơ ca Nguyễn Bảo vào giới thiệu, học tập trong các chương trình học tập.

Cần hiệu đính những bài thơ đã phiên âm và dịch nghĩa; cần tiếp tục công bố những bài thơ còn lại của Nguyễn Bảo, để thơ chữ Hán của ông được đầy đủ hơn tới người đọc, người học, người nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam.